TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 18-11-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng.

Ông Trần Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 10/10/2019, về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST, ngày 09 tháng 8 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2019/QĐ-PT, ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thúy H; trú tại: Xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân N; Nơi ĐKHKTT: Xã Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; trú tại: Xã H1, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Lê Xuân N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy H trình bày:***

Tôi và ông Lê Xuân N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 4 năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Qúa trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, ông N không quan tâm đến vợ con và gia đình. Từ tháng 02/2017 dương lịch đến nay chúng tôi đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Xuân N.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Lê Linh H1, sinh ngày 22/11/2005; Lê Xuân Minh K, sinh ngày 16/8/2010. Tôi có nguyện vọng nhận nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2019, bị đơn ông Lê Xuân N trình bày:

Tôi và bà Đỗ Thị Thúy H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 4 năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Thời gian gần đây vì điều kiện kinh tế khó khăn nên tôi phải đi làm ăn xa để lo kinh tế gia đình và trả nợ chung của vợ chồng. Hiện nay, tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không trầm trọng nên tôi không đồng ý ly hôn với bà H. Đề nghị Tòa án tiến hành xem xét để vợ chồng tôi đoàn tụ.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử. ***Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thúy H.***

*** Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho bà Đỗ Thị Thúy H được ly hôn với ông Lê Xuân N.

* Về con chung: Giao 02 con chung con chung là Lê Linh H1, sinh ngày 22/11/2005; Lê Xuân Minh K, sinh ngày 16/8/2010 cho bà Đỗ Thị Thúy H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ông Lê Xuân N được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Lê Xuân N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*** Về tài sản chung, nợ chung:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/8/2019, bị đơn anh Lê Xuân N kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về phần con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Lê Xuân N rút một phần kháng cáo về yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Linh H1, sinh ngày 22/11/2005 và giữ nguyên đơn kháng cáo về yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Xuân Minh K, sinh ngày 16/8/2010. Anh N cung cấp thêm tài liệu là Thẻ học sinh của cháu Lê Xuân Minh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2, 5 Điều 308; Điều 309; Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Lê Xuân N về yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Linh H1, sinh ngày 22/11/2005; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn anh Lê Xuân N - Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST, ngày 09 tháng 8 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, theo hướng giao cháu Lê Xuân Minh K, sinh ngày 16/8/2010 cho anh Lê Xuân N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đỗ Thị Thúy H và anh Lê Xuân N tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào ngày 20 tháng 4 năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận vào bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh N không quan tâm đến vợ con và gia đình. Chị H và anh N đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N không hạnh phúc, không còn tình cảm dành cho nhau; mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên hiện không chung sống cùng nhau trong thời gian dài. Nên bản án sơ thẩm đã quyết định cho chị H được ly hôn với anh N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/8/2019, bị đơn anh Lê Xuân N kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu giao 02 con chung con chung là Lê Linh H1, sinh ngày 22/11/2005; Lê Xuân Minh K, sinh ngày 16/8/2010 cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh N rút một phần kháng cáo về yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Linh H1, sinh ngày 22/11/2005. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 5 Điều 308; Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Lê Xuân N về yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Linh H1, sinh ngày 22/11/2005.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Xuân N yêu cầu giao con chung là Lê Xuân Minh K, sinh ngày 16/8/2010 cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy, bản án sơ thẩm giao cháu Lê Xuân Minh K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay cháu Lê Xuân Minh K đang sống cùng anh N. Cháu K hiện đang học tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở H1 thuộc xã H1, huyện S, tỉnh Thanh Hóa có giấy chứng nhận của Hiệu trưởng trường xác nhận cháu khôi đang học lớp 4b của trường. Tại phiên tòa phúc thẩm anh N cũng đã cung cấp thẻ học sinh của cháu K. Để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cháu K trong việc đi học, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu. Vì vậy, cần giao cháu Lê Xuân Minh K, sinh ngày 16/8/2010 cho anh N được trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh N và chị H được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng áp dụng khoản 2, 5 Điều 308; Điều 309; Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Lê Xuân N về yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Linh H1, sinh ngày 22/11/2005; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn anh Lê Xuân N - Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST, ngày 09 tháng 8 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo nhận định trên.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do chấp nhận đơn kháng cáo nên bị đơn anh Lê Xuân N không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản khoản 2, 5 Điều 308; Điều 309; Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Lê Xuân N về yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Linh H1, sinh ngày 22/11/2005.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Xuân N, sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST, ngày 09 tháng 8 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thúy H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Thúy H được ly hôn với anh Lê Xuân N.

- Về con chung: Giao cháu Lê Xuân Minh K, sinh ngày 16/8/2010 cho anh Lê Xuân N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Lê Linh H1, sinh ngày 22/11/2005 cho chị Đỗ Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh N và chị H được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân phúc thẩm: Anh Lê Xuân N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Lê Xuân N số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013315, ngày 22/8/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS H. E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Duy Thuấn